

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2021/HS-ST  
Ngày 25 - 11 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Nhật Chiến
2. Ông Đoàn Văn Xây

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thanh Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 128/2021/TLST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2021/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2021 và thông báo chuyển ngày xét xử số 12/2021/TB-TA ngày 17 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Quang H, tên gọi khác: Không có; sinh ngày 12/10/1991 tại Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số \*, ngõ \*, đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Số \*, ngõ \*, đường S, phường H, thành phố Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Thế K, sinh năm 1966 và bà Lương Thị Th, sinh năm 1973; vợ tên Nguyễn Thị Kim X, sinh năm 1987 (là bị cáo trong cùng vụ án); con: Có 01 con, sinh năm 2018; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 16/6/2021 bị Công an thành phố Lạng Sơn xử phạt 2.500.000 đồng về hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác; nhân thân: Ngày 26/11/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 05 (năm) năm tù giam về tội Cố ý gây thương tích tại Bản án hình sự sơ thẩm số 155/2012/HSST; ngày 26/02/2016, bị Tòa án nhân dân quận Bắc Từ

Liêm, thành phố Hà Nội xử phạt 18 (mười tám) tháng tù về tội Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng tại Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2016/HSST; Ngày 01/02/2008, bị Ủy Ban nhân dân thành phố Lạng Sơn ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) tháng về hành vi Trộm cắp tài sản; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/7/2021 đến ngày 17/9/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, bị cáo tại ngoại đến nay, có mặt.

2. Nguyễn Thị Kim X, tên gọi khác: không có; sinh ngày 15/10/1987 tại Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số \*, ngõ \*, đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Số \*, ngõ \*, đường S, phường H, thành phố Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Th1, sinh năm 1942 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1956; bị cáo có chồng tên Nguyễn Quang H, sinh năm 1991 (là bị cáo trong cùng vụ án); con: Có 01 con, sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính lần nào; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/7/2021 đến ngày 27/7/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại đến nay, có mặt.

3. Phạm Đại T, tên gọi khác: không có; sinh ngày 30/5/1975 tại Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số \*, phố D, phường Y, quận K1, thành phố Hà Nội; chỗ ở: Số \*, ngõ \*, thôn H2, xã Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Ngọc Kh, sinh năm 1937 (đã chết) và bà Phan Thị Ng, sinh năm 1940; bị cáo có vợ tên Nguyễn Như Q, sinh năm 1982; con: Có 02 con, lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính lần nào; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/7/2021 đến ngày 12/8/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, bị cáo tại ngoại đến nay, có mặt.

*- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Hoàng Thị H3, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn Đ1, xã D, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Bà Hải thị T1, sinh năm 1975; địa chỉ: Số \*, ngõ \*, đường D1, phường Đ2, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

3. Ông Chu Đức Q, sinh năm 1981; địa chỉ: Khối \*, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Bà Hoàng Thanh H4, sinh năm 1983; địa chỉ: Ngõ \*, đường V1, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

5. Bà Kiên Thị N, sinh năm 1970, địa chỉ: Số \*, đường T2, phường R, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1976; địa chỉ: Số \*, đường B, khối 5, phường Đ2, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

7. Bà Nguyễn Thị Hiền L1, sinh năm 1987; địa chỉ: Số \*, đường V1, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

8. Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1978; địa chỉ: Số \*, đường S, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

9. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1992; địa chỉ: Số \*, đường Q1, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

10. Bà Vũ Thanh A, sinh năm 1979; địa chỉ: Số \*, đường K1, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

11. Bà Nguyễn Quỳnh A1, sinh năm 1981; địa chỉ: Số \*, đường N1, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

12. Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1971; địa chỉ: Khối \*, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

13. Bà Nguyễn Thị I, sinh năm 1979; địa chỉ: Số \*, đường P1, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

14. Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1972; địa chỉ: Số \*, M1, phường R, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

15. Bà Nguyễn Thị F, sinh năm 1962; địa chỉ: Số \*, đường Q1, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

16. Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1958; địa chỉ: Tổ \*, khối \*, phường Đ2, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn tố giác của công dân, ngày 21/7/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã ra Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Đại T và Nguyễn Thị Kim X, thu giữ được một số giấy tờ, sổ sách ghi chép, có dấu hiệu của hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã tiến hành khởi tố vụ án, khởi tố bị can và quá trình điều tra đã xác định được như sau:

Từ tháng 5/2021 đến tháng 7/2021, Nguyễn Quang H, Nguyễn Thị Kim X (vợ Huy) và Phạm Đại T cho vay lãi nặng dưới hình thức “bát họ”, người vay không cần thế chấp tài sản và tự viết giấy vay tiền. Mỗi bát họ được tính 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng hoặc cao hơn tùy vào nhu cầu của người vay. Đối với bát họ 10.000.000 đồng, bị cắt lãi trước từ 2.000.000 đồng đến 2.500.000 đồng, người vay chỉ nhận được 7.500.000 đồng đến 8.000.000 đồng tùy theo từng trường hợp, thời gian trả tiền gốc tính từ ngày vay đến khi trả đủ 40 ngày, mỗi ngày người vay trả 250.000 đồng cho đến khi đủ 10.000.000 đồng. Đối với bát họ 20.000.000 đồng, người vay bị cắt lãi trước từ 5.000.000

đồng và chỉ nhận được 15.000.000 đồng, thời gian trả tiền gốc tính từ ngày vay đến khi trả đủ 40 ngày, mỗi ngày người vay trả 500.000 đồng cho đến khi đủ 20.000.000 đồng. Trong trường hợp người vay không có đủ khả năng thanh toán thì tùy theo từng trường hợp mà sau một thời gian nhất định, các bị cáo sẽ yêu cầu người vay phải chuyển sang vay bất mới (đáo bất). Đối với trường hợp đáo bất, các bị cáo sẽ trừ luôn tiền lãi, trừ tiếp số tiền người vay còn nợ ở bất cũ và trừ số tiền gốc người vay phải trả ngày đầu tiên; như vậy bất cũ coi như đã thanh toán xong.

Quá trình hợp tác làm ăn, Phạm Đại T là người tham gia góp vốn và thỉnh thoảng đi thu tiền gốc. Nguyễn Thị Kim X và Nguyễn Quang H trực tiếp cho vay, hướng dẫn viết giấy vay, xác minh điều kiện hoàn cảnh người vay, đi thu tiền gốc. Tiền lãi thu được chia đôi, vợ chồng X hưởng một nửa, T hưởng một nửa.

Với lãi suất mà Nguyễn Quang H, Nguyễn Thị Kim X và Phạm Đại T cho những người vay tương ứng với lãi suất tương đương từ 182,5% đến 570,3%/năm, tùy vào khoản vay và ngày vay. Các bị cáo đã cho 16 người vay tiền cắt lãi suất cao từ 182,5%/năm đến 570,3%/năm, cao gấp 9,12 lần đến 28,5 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền cho vay là 560.000.000 đồng dưới hình thức “Bất họ” thu lãi 139.500.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 10.082.192 đồng, thu lợi bất chính 129.417.808 đồng.

Cụ thể các bị cáo đã cho những người sau vay tiền:

1. Khoản vay của bà Hoàng Thị H3 (sổ vay ghi tên S1): Ngày 05/5/2021, bà Hoàng Thị H3 gọi điện vay Nguyễn Quang H 01 bất họ 10.000.000 đồng. Sau khi xác minh hoàn cảnh, Nguyễn Quang H gọi bà Hoàng Thị H3 đến nhà làm giấy vay tiền và nhận 7.500.000 đồng. Bà Hoàng Thị H3 trả tiền gốc được 38 ngày đến ngày 11/6/2021 thì đáo bất vay bất mới, tính từ ngày 12/6/2021. Bà Hoàng Thị H3 trả đến ngày 29/6/2021 thì xong tiền gốc. Đến ngày 30/6/2021, bà Hoàng Thị H3 vay tiếp một bất mới 10.000.000 đồng, đã trả tiền gốc đến ngày 17/7/2021 thì xin đáo bất vay bất mới, tính từ ngày 17/7/2021. Bà Hoàng Thị H3 đã trả tiền gốc được 1.000.000 đồng, còn nợ lại 9.000.000 đồng tiền gốc. Trước đó, ngày 13/7/2021 bà Hoàng Thị H3 đã vay một bất mới 10.000.000 đồng (vay song song hai bất họ), đã trả tiền gốc 2.000.000 đồng, còn nợ lại 8.000.000 đồng tiền gốc.

Tổng cộng bà Hoàng Thị H3 vay 05 bất họ với tổng số tiền là 50.000.000 đồng, đáo bất 02 lần, còn nợ lại tiền gốc là 17.000.000 đồng. Số tiền lãi 12.500.000 đồng, tương đương lãi suất từ 228,1% đến 507%/năm, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 964.384 đồng, lãi bất hợp pháp 11.535.616 đồng.

2. Khoản vay của bà Hải thị T1 (sổ vay ghi tên B1): Thông qua Đinh Thị R, sinh năm 1975, cư trú tại: Số \*, đường V1, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, ngày 13/5/2021 bà Hải thị T1 đặt vấn đề vay Nguyễn Quang H 01 bất họ 10.000.000 đồng, Nguyễn Quang H đồng ý và đưa cho bà Hải thị T1 7.500.000 đồng. Bà Hải thị T1 trả tiền gốc đến ngày 31/5/2021 được 19 ngày thì đáo bất vay bất mới, tính từ ngày 31/5/2021. Bất này bà Hải thị T1 đã trả xong tiền gốc.

Tổng cộng bà Hải thị T1 vay 02 bát họ với tổng số tiền 20.000.000 đồng, đã trả hết tiền gốc. Số tiền lãi là 5.000.000 đồng, tương đương lãi suất từ 228,1% đến 480,1%/ năm, trong đó tiền lãi hợp pháp là 323.288 đồng, lãi bất hợp pháp là 4.676.712 đồng.

Ngoài ra, bà Hải thị T1 còn vay hộ Đình Thị R 03 bát họ, mỗi bát 7.500.000 đồng, tổng cộng là 22.500.000 đồng. Do R là người giới thiệu bà Hải thị T1 đến vay tiền của Nguyễn Quang H và Đình Thị R đã quen biết vợ chồng Nguyễn Quang H, Nguyễn Thị Kim X nên Nguyễn Quang H không tính lãi với Hải Thị T1.

3. Khoản vay của ông Chu Đức Q (sổ vay ghi tên Quang Sỹ): Ngày 16/5/2021, ông Chu Đức Q đặt vấn đề vay Nguyễn Quang H 01 bát họ 20.000.000 đồng, Nguyễn Quang H đồng ý và yêu cầu ông Chu Đức Q viết giấy vay tiền rồi đưa cho ông Chu Đức Q 15.000.000 đồng, ông Chu Đức Q trả tiền gốc đến ngày 14/6/2021 được 30 ngày thì đáo bát để vay bát mới là 20.000.000 đồng. Bát mới tính từ ngày 15/6/2021, bát này ông Chu Đức Q đã trả xong tiền gốc. Ngày 03/7/2021, ông Chu Đức Q tiếp tục vay 01 bát mới là 20.000.000 đồng, bát này ông Chu Đức Q trả được 8.000.000 đồng, còn nợ 12.000.000 đồng. Đến ngày 12/7/2021 ông Chu Đức Q vay một bát mới 20.000.000 đồng, bát này ông Chu Đức Q đã trả được 10.000.000 đồng, còn nợ 10.000.000 đồng tiền gốc. Tổng cộng ông Chu Đức Q vay 04 bát họ, tương đương số tiền 80.000.000 đồng, trong đó đáo bát 01 lần. Số tiền lãi đã thu là 20.000.000 đồng, tương đương lãi suất 228,1% đến 304,1%/năm, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 1.643.836 đồng, lãi bất hợp pháp 18.356.164 đồng.

4. Khoản vay của bà Hoàng Thanh H4 (sổ vay ghi tên Huyền Báo): Ngày 19/5/2021, bà Hoàng Thanh H4 điện thoại đặt vấn đề vay Nguyễn Quang H 01 bát họ 10.000.000 đồng, Nguyễn Quang H đồng ý và bảo bà Hoàng Thanh H4 đến nhà Nguyễn Quang H để viết giấy vay tiền, sau đó bà Hoàng Thanh H4 nhận 7.500.000 đồng. Bát này bà Hoàng Thanh H4 đã trả xong tiền gốc. Đến ngày 19/6/2021, bà Hoàng Thanh H4 tiếp tục vay 01 bát họ 10.000.000 đồng, bát này bà Hoàng Thanh H4 đã trả 8.750.000 đồng, còn nợ 1.250.000 đồng tiền gốc. Tổng cộng bà Hoàng Thanh H4 đã vay 02 bát với tổng số tiền 20.000.000 đồng. Số tiền lãi đã thu là 5.000.000 đồng, tương đương lãi suất 228,1%/ năm, trong đó tiền lãi hợp pháp 438,356 đồng, lãi bất hợp pháp 4.561.644 đồng.

5. Khoản vay của bà Kiềng Thị N (sổ vay ghi tên Ngư Thị): Ngày 19/5/2021, bà Kiềng Thị N vay Nguyễn Thị Kim X 01 bát họ 10.000.000 đồng, nhận 7.500.000 đồng, đã trả gốc đến ngày 09/6/2021 được 22 ngày thì xin đáo bát để vay bát mới, tính từ ngày 10/6/2021. Bát mới này bà Kiềng Thị N đã trả xong tiền gốc. Tổng cộng bà Kiềng Thị N đã vay 02 bát với tổng số tiền 20.000.000 đồng, đáo bát 01 lần. Số tiền lãi đã thu là 5.000.000 đồng, tương đương lãi suất 228,1% đến 414,8%/ năm, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 339.726 đồng, lãi bất hợp pháp là 4.660.274 đồng.

6. Khoản vay của bà Nguyễn Thị C1 (sổ vay ghi tên S2): Thông qua em gái là Nguyễn Thị L2, sinh năm 1978, trú tại phường H, thành phố Lạng Sơn, bà

Nguyễn Thị C1 biết Nguyễn Quang H cho vay bất họ, nên ngày 21/5/2021 bà Nguyễn Thị C1 đặt vấn đề vay Nguyễn Quang H 01 bất họ 10.000.000 đồng, Nguyễn Quang H đồng ý và đưa cho bà Nguyễn Thị C1 7.500.000 đồng, bất họ này bà Nguyễn Thị C1 đã trả xong tiền gốc. Ngày 15/6/2021, bà Nguyễn Thị C1 tiếp tục vay Nguyễn Quang H 01 bất họ 10.000.000 đồng, bất này bà Nguyễn Thị C1 cũng đã trả xong tiền gốc. Ngày 09/7/2021 bà Nguyễn Thị C1 vay một bất 10.000.000 đồng, bất này bà Nguyễn Thị C1 trả được 3.000.000 đồng, còn nợ lại 7.000.000 đồng tiền gốc. Tổng cộng bà Nguyễn Thị C1 đã vay 03 bất họ với tổng số tiền 30.000.000 đồng, tiền lãi các bị cáo thu là 7.500.000 đồng, tương đương lãi suất là 228,1%/năm, trong đó tiền lãi hợp pháp là 657.534 đồng, lãi bất hợp pháp 6.842.466 đồng.

7. Khoản vay của bà Nguyễn Thị Hiền L1 (sổ vay ghi tên Lương Vi): Ngày 24/5/2021, Nguyễn Thị Hiền L1 gọi điện thoại cho Nguyễn Quang H đặt vấn đề vay 01 bất họ 10.000.000 đồng, Nguyễn Quang H đồng ý và đưa cho bà Nguyễn Thị Hiền L1 7.500.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Hiền L1 đã trả tiền gốc đến ngày 19/6/2021 được 27 ngày thì xin đáo bất vay bất mới; bất mới được tính từ ngày 19/6/2021, bà Nguyễn Thị Hiền L1 tiếp tục trả tiền gốc đến ngày 07/7/2021 được 19 ngày thì lại xin đáo bất vay bất mới; lần này bất mới được tính từ ngày 08/7/2021, bà Nguyễn Thị Hiền L1 trả tiền gốc được 3.250.000 đồng, còn nợ lại 6.750.000 đồng tiền gốc. Tổng cộng bà Nguyễn Thị Hiền L1 đã vay 03 bất họ với số tiền là 30.000.000 đồng và đáo bất 02 lần. Số tiền lãi các bị cáo đã thu 7.500.000 đồng, tương đương lãi suất từ 228,1% đến 480,3%/ năm, trong đó lãi hợp pháp là 471.233 đồng, lãi bất hợp pháp là 7.028.767 đồng.

8. Khoản vay của bà Nguyễn Thị L2 (sổ vay ghi tên Lan Gà): Ngày 24/5/2021, Nguyễn Thị L2 đặt vấn đề vay Nguyễn Thị Kim X 01 bất họ 10.000.000 đồng, Nguyễn Thị Kim X đồng ý và đưa cho bà Nguyễn Thị L2 7.500.000 đồng, bất này bà Nguyễn Thị L2 đã thanh toán xong tiền gốc. Ngày 12/7/2021, bà Nguyễn Thị L2 vay Nguyễn Thị Kim X 01 bất 40.000.000 đồng, X thu 10.000.000 đồng tiền lãi và đưa cho bà Nguyễn Thị L2 30.000.000 đồng, bất này bà Nguyễn Thị L2 trả được 9.000.000 đồng, còn nợ 31.000.000 đồng tiền gốc. Tổng cộng bà Nguyễn Thị L2 vay 02 bất họ, 01 bất 10.000.000 đồng và 01 bất 40.000.000 đồng, còn nợ 31.000.000 đồng tiền gốc. Tổng số tiền lãi các bị cáo đã thu là 12.500.000 đồng, tương đương lãi suất 228,1%/ năm, trong đó lãi hợp pháp là 1.095.890 đồng, lãi bất hợp pháp là 11.404.110 đồng.

9. Khoản vay của bà Nguyễn Thị M (sổ ghi tên M2): Ngày 28/5/2021, Nguyễn Thị M đặt vấn đề vay vợ chồng Nguyễn Quang H 01 bất họ 10.000.000 đồng, Nguyễn Thị Kim X đưa cho bà Nguyễn Thị M 7.500.000 đồng. Bà Nguyễn Thị M trả tiền gốc đến ngày 21/6/2021 được 25 ngày thì đáo bất. Bất mới được tính từ ngày 22/6/2021, bà Nguyễn Thị M tiếp tục trả tiền gốc đến ngày 17/7/2021 được 26 ngày thì tiếp tục xin đáo bất vay bất mới. Bất mới được tính từ ngày 18/7/2021, bà Nguyễn Thị M đã trả được 1.250.000 đồng và nợ 8.750.000 đồng tiền gốc. Tổng cộng bà Nguyễn Thị M đã vay 03 bất họ với số tiền là 30.000.000 đồng, đáo bất 02 lần. Số tiền các bị cáo đã thu lãi 7.500.000

đồng, tương đương lãi suất từ 228,1% đến 365%/ năm, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 498.630 đồng, lãi bất hợp pháp là 7.001.370 đồng.

10. Khoản vay của bà Vũ Thanh A (sổ vay ghi tên K2): Ngày 14/6/2021, bà Vũ Thanh A gọi điện thoại đặt vấn đề vay Nguyễn Quang H 01 bát họ 10.000.000 đồng, Huy đồng ý và đưa cho bà Vũ Thanh A 7.500.000 đồng. Bát này bà Vũ Thanh A đã trả xong gốc, tiền lãi các bị cáo đã thu là 2.500.000 đồng, tương đương lãi suất là 228,1%/ năm, trong đó lãi hợp pháp là 219.178 đồng, lãi bất hợp pháp là 2.280.822 đồng.

11. Khoản vay của bà Nguyễn Quỳnh A1 (sổ vay ghi tên N2): Ngày 29/6/2021, bà Nguyễn Quỳnh A1 gọi điện thoại cho Nguyễn Quang H đặt vấn đề vay 01 bát họ 10.000.000 đồng, Huy đồng ý và cùng Kim Anh đến nhà đưa cho bà Nguyễn Quỳnh A1 7.500.000 đồng. Bà Nguyễn Quỳnh A1 đã thanh toán được 5.750.000 đồng, còn nợ 4.250.000 đồng tiền gốc, tiền lãi các bị cáo đã thu là 2.500.000 đồng, tương đương lãi suất là 228,1%/ năm, trong đó lãi hợp pháp là 219.178 đồng, lãi bất hợp pháp là 2.280.822 đồng.

12. Khoản vay của bà Nguyễn Thị O (Sổ vay ghi tên O1): Ngày 27/6/2021, bà Nguyễn Thị O đặt vấn đề vay Nguyễn Quang H 01 bát họ 10.000.000 đồng, Huy đồng ý và đưa cho bà Nguyễn Thị O 8.000.000 đồng, Nguyễn Quang H cắt lãi trước 2.000.000 đồng, khoản vay này bà Nguyễn Thị O đã thanh toán cho Nguyễn Quang H 6.750.000 đồng, còn nợ 3.250.000 đồng tiền gốc, tiền lãi các bị cáo đã thu 2.000.000 đồng, tương đương lãi suất là 182,5%/ năm, trong đó lãi hợp pháp là 219.178 đồng, lãi bất hợp pháp là 1.780.822 đồng.

13. Khoản vay của bà Nguyễn Thị I (sổ vay ghi tên P2): Ngày 04/5/2021, bà Nguyễn Thị I đặt vấn đề vay Nguyễn Quang H 01 bát họ 10.000.000 đồng, Huy đồng ý và đưa cho bà Nguyễn Thị I 7.000.000 đồng, Nguyễn Quang H cắt tiền gốc luôn 02 ngày. Sau đó bà Nguyễn Thị I đã thanh toán xong tiền gốc. Ngày 09/5/2021, bà Nguyễn Thị I vay tiếp 01 bát họ 20.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị I trả tiền gốc đến ngày 26/5/2021 được 18 ngày thì đáo bát vay bát mới 20.000.000 đồng. Bát mới tính từ ngày 26/5/2021, bà Nguyễn Thị I trả tiền gốc đến ngày 16/6/2021 được 22 ngày thì tiếp tục đáo bát vay bát mới 20.000.000 đồng. Bát mới được tính từ ngày 17/6/2021, bà Nguyễn Thị I tiếp tục trả gốc đến ngày 08/7/2021 được 22 ngày thì lại đáo bát vay bát mới. Bát mới được tính từ ngày 09/7/2021. Bát này bà Nguyễn Thị I trả được 6.500.000 đồng, còn nợ lại 13.500.000 đồng tiền gốc. Tổng cộng bà Nguyễn Thị I đã vay 90.000.000 đồng với 01 bát họ 10.000.000 đồng, 04 bát họ 20.000.000 đồng, đáo bát 03 lần. Số tiền lãi các bị cáo đã thu là 22.500.000 đồng, tương đương lãi suất từ 228,1% đến 507%/ năm, trong đó lãi hợp pháp là 1.336.986 đồng, lãi bất hợp pháp là 21.163.014 đồng.

14. Khoản vay của bà Nguyễn Thị T3 (sổ vay ghi tên Z): Ngày 24/5/2021, bà Nguyễn Thị T3 đặt vấn đề vay Nguyễn Quang H 01 bát họ 10.000.000 với Nguyễn Quang H, Huy đồng ý và đưa cho bà Nguyễn Thị T3 7.500.000 đồng, cắt lãi trước 2.500.000 đồng. Bát này bà Nguyễn Thị T3 thanh toán tiền gốc đến ngày 19/6/2021 được 27 ngày thì đáo bát vay bát mới. Bát

mới được tính từ ngày 19/6/2021, bát này được bà Nguyễn Thị T3 thanh toán tiền gốc đến ngày 10/7/2021 được 22 ngày thì tiếp tục đáo bát vay bát mới. Bát mới được tính từ ngày 10/7/2021, bát này bà Nguyễn Thị T3 đã trả được 3.250.000 đồng, còn nợ 6.750.000 đồng tiền gốc. Tổng cộng bà Nguyễn Thị T3 đã vay 03 bát họ với số tiền 30.000.000 đồng, đáo bát 02 lần. Số tiền lãi các bị cáo đã thu là 7.500.000 đồng, tương đương lãi suất từ 228,1% đến 480%/ năm, trong đó lãi hợp pháp là 487.671 đồng, lãi bất hợp pháp là 7.012.329 đồng.

15. Khoản vay của bà Nguyễn Thị F (sổ vay ghi tên Z1): Ngày 08/5/2021, bà Nguyễn Thị F đặt vấn đề vay Nguyễn Quang H 01 bát họ, Huy đồng ý và đưa cho bà Nguyễn Thị F 7.500.000 đồng, cắt lãi trước 2.500.000 đồng. Bà Nguyễn Thị F đã trả tiền gốc đến ngày 27/5/2021 được 20 ngày thì đáo bát vay bát mới, bát mới được tính từ ngày 27/5/2021. Bà Nguyễn Thị F đã trả tiền gốc đến ngày 11/6/2021 được 16 ngày thì đáo bát vay bát mới, bát mới được tính từ ngày 11/6/2021. Bà Nguyễn Thị F trả tiền gốc đến ngày 30/6/2021 được 20 ngày thì lại tiếp tục đáo bát vay bát mới, bát mới được tính từ ngày 30/6/2021. Bà Nguyễn Thị F trả tiền gốc đến ngày 19/7/2021 được 20 ngày thì tiếp tục lại đáo bát vay tiếp bát mới, bát mới được tính từ ngày 19/7/2021. Bát này bà Nguyễn Thị F trả được 750.000 đồng, còn nợ lại 9.250.000 đồng tiền gốc. Tổng cộng, bà Nguyễn Thị F đã vay 05 bát họ với tổng số tiền 50.000.000 đồng, đáo bát 04 lần. Số tiền lãi các bị cáo đã thu là 12.500.000 đồng, tương đương lãi suất từ 228,1% đến 570,3%/ năm, trong đó lãi hợp pháp là 635.616 đồng, lãi bất hợp pháp 11.864.384 đồng.

16. Khoản vay của bà Nguyễn Thị Y (sổ vay ghi tên Y1): Ngày 15/6/2021, bà Nguyễn Thị Y đặt vấn đề vay 01 bát họ 10.000.000 đồng, Nguyễn Quang H đồng ý và đưa cho bà Nguyễn Thị Y số tiền 7.500.000. Bà Nguyễn Thị Y trả tiền gốc đến ngày 01/7/2021 được 17 ngày thì đáo bát vay bát mới, bát mới được tính từ ngày 01/7/2021. Bát này bà Nguyễn Thị Y đã trả được 5.000.000 đồng và còn nợ 5.000.000 đồng tiền gốc. Tổng cộng bà Nguyễn Thị Y đã vay 02 bát họ với tổng số tiền 20.000.000 đồng, trong đó đáo bát 01 lần. Các bị cáo đã thu tiền lãi 5.000.000 đồng, tương đương lãi suất từ 228,1% đến 536,8%/ năm, trong đó lãi hợp pháp là 312.329 đồng, lãi bất hợp pháp là 4.687.671 đồng.

Ngày 20/7/2021 bà Nguyễn Thị Y và bà Nguyễn Thị F cùng vay 01 bát họ với số tiền 10.000.000 đồng, bát này bà Nguyễn Thị Y và bà Nguyễn Thị F đã trả được 500.000 đồng tiền gốc và còn nợ lại 9.500.000 đồng tiền gốc. Các bị cáo đã thu 2.500.000 đồng tiền lãi, tương đương lãi suất 228,1%/ năm, trong đó lãi hợp pháp 219.178 đồng, lãi bất hợp pháp 2.280.822 đồng.

Ngoài ra, trước khi góp vốn với Phạm Đại T, từ cuối năm 2020, Nguyễn Quang H và Nguyễn Thị Kim X đã hoạt động cho vay lãi cùng với hình thức bát họ số tiền 10.000.000 đồng, Huy chỉ thu trước số tiền 800.000 đồng tiền lãi và đưa cho người vay 9.200.000 đồng. Người vay phải trả đủ số tiền 10.000.000 đồng trong vòng 40 ngày. Việc Nguyễn Quang H và Nguyễn Thị Kim X cho vay nêu trên tương ứng với lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương 73%/ năm nên không cấu thành tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.



Đối với những người có tên B2, B3 (không rõ nhân thân) có đơn tố giác với nội dung có vay tiền của Nguyễn Quang H, Nguyễn Thị Kim X và Phạm Đại T. Các bị cáo khai không được cho ai có tên như trên vay tiền, sổ ghi chép của các bị cáo không thể hiện; Cơ quan điều tra không xác định được nhân thân của những người có tên Hồng, Phương nói trên, nên không có cơ sở để xác minh làm rõ.

Đối với khoản vay của bà Đinh Thị R, do các bị cáo không tính lãi, Cơ quan điều tra không thu giữ được tài liệu về việc tính lãi của các bị cáo đối với khoản vay này, do đó không đủ căn cứ để xử lý.

Đối với bà Nguyễn Thị L2 là người giới thiệu Nguyễn Thị C1 vay tiền của các bị cáo, Nguyễn Thị L2 không biết về lãi suất của các khoản vay và cũng không được bàn bạc hay hưởng lợi gì từ việc Nguyễn Thị C1 vay, do đó không đủ căn cứ để xử lý.

Đối với 02 sổ ghi chép thu của Nguyễn Thị Kim X, thể hiện khoản tiền X vay của bà Lương Thị Th1 là mẹ chồng; 01 sổ ghi chép khoản tiền X vay của Nguyễn Mạnh N3; 01 sổ ghi chép khoản tiền X vay của người có tên Đ3 không xác định được nhân thân, lai lịch. Về lãi suất khoản tiền X vay của bà X, N3 và Đ3 theo sổ sách phản ánh lãi suất là 1000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với 36%/năm, không có căn cứ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 131/CT-VKS-P1 ngày 21/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, đã truy tố các bị cáo Nguyễn Quang H, Nguyễn Thị Kim X, Phạm Đại T về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố nêu trên.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án gồm: Bà Hoàng Thị H3, bà Hải thị T1, ông Chu Đức Q, bà Hoàng Thanh H4, bà Kiên Thị N, bà Nguyễn Thị C1, bà Nguyễn Thị Hiền L1, bà Nguyễn Thị L2, bà Nguyễn Thị M, bà Vũ Thanh A, bà Nguyễn Quỳnh A1, bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị I, bà Nguyễn Thị T3, bà Nguyễn Thị F, bà Nguyễn Thị Y vắng mặt tại phiên tòa và không ai có ý kiến yêu cầu gì. Quá trình điều tra, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều khai nhận được vay tiền cắt lãi suất cao với các bị cáo Nguyễn Quang H, Nguyễn Thị Kim X, Phạm Đại T đúng như nội dung đã nêu ở trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quang H, Nguyễn Thị Kim X, Phạm Đại T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"; đề nghị:

Áp dụng khoản 2, 3 Điều 201 điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 46; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang H từ 08 (tám) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo

Nguyễn Quang H số tiền từ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đến 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

Áp dụng khoản 2 Điều 201 điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 46; Điều 50; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim X từ 07 (bảy) tháng đến 10 (mười) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 (mười bốn) tháng đến 20 (hai mươi) tháng.

Áp dụng khoản 2, 3 Điều 201 điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 46; Điều 50; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Đại T từ 08 (tám) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 (mười sáu) tháng đến 24 (hai mươi bốn) tháng. Phạt bổ sung bị cáo Phạm Đại T từ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đến 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

## 2. Về áp dụng biện pháp tư pháp:

- Đề nghị truy thu số tiền gốc là 414.750.000 đồng và 10.082.192 đồng tiền lãi tương ứng với mức 20%/năm, tổng cộng là 424.832.192 đồng đối với các bị cáo Nguyễn Quang H, Nguyễn Thị Kim X, Phạm Đại T do là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng thực hiện hành vi phạm tội để sung ngân sách Nhà nước, trừ đi số tiền các bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả. Cụ thể: Truy thu đối với bị cáo Phạm Đại T là 197.416.096 đồng; truy thu đối với bị cáo Nguyễn Quang H 71.208.048 đồng và truy thu đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim X 91.208.048 đồng.

- Đối với số tiền thu lời bất chính, hiện các bị cáo đã trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại các biên bản giao nhận mà các bị cáo đã cung cấp, nay không đề nghị xem xét.

- Đề nghị truy thu số tiền nợ gốc chưa trả của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án tổng là 145.250.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước, cụ thể: Truy thu của chị Hoàng Thị H3 số tiền là 17.000.000đ; của ông Chu Đức Q số tiền là 22.000.000 đồng; của bà Hoàng Thanh H4 số tiền là 1.250.000 đồng; của bà Nguyễn Thị C1 số tiền là 7.000.000đ; của bà Nguyễn Thị Hiền L1 số tiền là 6.750.000 đồng; của bà Nguyễn Thị L2 số tiền là 31.000.000 đồng; của chị Nguyễn Thị M số tiền là 8.750.000 đồng; của bà Nguyễn Quỳnh A1 số tiền là 4.250.00 đồng; của bà Nguyễn Thị O số tiền 3.250.000; của bà Nguyễn Thị I số tiền là 13.500.000 đồng; của bà Nguyễn Thị T3 số tiền 6.750.000 đồng; của bà Nguyễn Thị F số tiền là 14.000.000 đồng; của bà Nguyễn Thị Y số tiền 9.750.000 đồng.

## 3. Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật Hình sự:

Đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Nokia 230 màu đen, máy cũ đã qua sử dụng, số serial 355776106114974.

Đối với 01 chứng minh Quân nhân chuyên nghiệp số 119201647387 mang tên Hoàng Anh, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Hoàng Anh, nay không đề nghị xem xét.

Đối với một số sổ sách, giấy tờ đã thu giữ của các bị cáo do có liên quan trong vụ án, nên đề nghị lưu tại hồ sơ vụ án, gồm: 01 quyển sổ có bìa màu xanh, bên trong có ghi các chữ và con số có kích thước 13cm x 8,5cm; 01 sổ chấm công màu trắng, bên trong có kẻ ô và ghi nhiều chữ và số, ngoài bìa có ghi chữ “Mới” bằng mực màu đỏ; 01 sổ chấm công màu trắng, bên trong có kẻ ô và ghi nhiều chữ và số, ngoài bìa có ghi chữ “Cũ” bằng mực màu xanh; 12 tờ giấy kẻ ngang có ghi ngày và tên của nhiều người; 01 tờ giấy kẻ ngang có ghi nhiều chữ và số. **Đối với 01 quyển sổ bìa màu vàng, bên trong có ghi “2020”, “2021”, bên trong ghi nhiều chữ và số thu của bị cáo Phạm Đại T và 04 quyển sổ bìa màu đỏ, bên trong có ghi các chữ và con số có kích thước 13cm x 8,5cm thu của bị cáo Nguyễn Thị Kim X, các bị cáo không yêu cầu lấy lại nên không đề nghị xem xét.**

Tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến gì tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo thể hiện thái độ ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của bản thân và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như Cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo đã khai tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai các bị cáo đã khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và toàn bộ các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Từ tháng 5/2021 đến tháng 7/2021 Nguyễn Quang H, Nguyễn Thị Kim X và Phạm Đại T đã có hành vi cho nhiều người trên địa bàn thành phố Lạng Sơn vay tiền dưới hình thức “Bát họ”, tổng số tiền cho vay là 560.000.000 đồng với lãi suất từ 182,5% đến 570,3%/ năm, gấp 9,12 lần đến 28,5 lần lãi suất được phép theo quy định tại điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, thu lợi bất chính 129.417.808 đồng. Do đó, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Quang H, Nguyễn Thị Kim X và Phạm Đại T đã phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tín dụng. Hành vi đó làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn và gây bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh phòng chống tệ nạn xã hội.

[3] Trong vụ án này các bị cáo là đồng phạm giản đơn, đều là người thực hành nên phải chịu trách nhiệm hậu quả chung. Bị cáo Phạm Đại T là người tham gia góp vốn, được chia lợi nhuận là 50%, thỉnh thoảng đi thu tiền gốc, ghi chép sổ

sách. Nguyễn Thị Kim X và Nguyễn Quang H trực tiếp cho vay tiền, hướng dẫn viết giấy vay, xác minh điều kiện hoàn cảnh người vay, đi thu tiền gốc; tuy nhiên, hai bị cáo chỉ được hưởng chung phần lợi nhuận là 50% còn lại (mỗi bị cáo là 25%), do vậy, đây cũng là căn cứ cần cân nhắc xem xét khi quyết định hình phạt cho bị cáo Nguyễn Quang H và Nguyễn Thị Kim X. Xét thấy, các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được hành vi cho vay lãi nặng bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng do háms lợi nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, do đó hành vi của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật, để nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét về nhân thân: Các bị cáo Nguyễn Thị Kim X và Phạm Đại T là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Bị cáo Nguyễn Quang H là người có nhân thân xấu, cụ thể: Ngày 26/11/2012, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 05 năm tù giam về tội Cố ý gây thương tích; ngày 26/02/2016, bị Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội xử phạt 18 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng; ngày 01/02/2008, bị Ủy Ban nhân dân thành phố Lạng Sơn ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng với thời hạn 24 tháng về hành vi Trộm cắp tài sản; và gần đây nhất là ngày 16/6/2021, bị cáo bị Công an thành phố Lạng Sơn xử phạt hành chính với số tiền là 2.500.000 đồng về hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác, đến nay chưa được xóa tiền sự này, nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện bị cáo là người thiếu ý thức rèn luyện và coi thường pháp luật.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo nhận thức được hành vi sai trái của bản thân nên đã tích cực khắc phục hậu quả bằng cách trả lại toàn bộ số tiền thu lời bất chính cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và đã nộp một khoản tiền khắc phục hậu quả tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, cụ thể bị cáo Nguyễn Quang H nộp 35.000.000 đồng (theo biên lai thu tiền số 0000914 ngày 24/11/2021); bị cáo Nguyễn Thị Kim X nộp 15.000.000 đồng (theo biên lai thu tiền số 0000915 ngày 24/11/2021); và bị cáo Phạm Đại T nộp 15.000.000đ (theo biên lai thu tiền số 0000916 ngày 24/11/2021), do vậy Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Nguyễn Thị Kim X và bị cáo Phạm Đại T phạm tội lần này là lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên hai bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với cả ba bị cáo đều không có.

[6] Trên cơ sở xem xét, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vai trò trong vụ án, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo Nguyễn Quang H ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục bị cáo và đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa chung. Còn đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim X và Phạm Đại T do có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự, nhân thân tốt, nên xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt tù giam mà cho các bị cáo cải tạo ngoài xã hội, cũng đủ để giáo dục các bị cáo và đảm bảo tính răn đe phòng ngừa chung, đồng thời thể hiện được chính sách khoan hồng của Nhà nước.

[7] Về hình phạt bổ sung: Căn xử phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Phạm Đại T số tiền là 30.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước. Còn đối với bị cáo Nguyễn Quang H và bị cáo Nguyễn Thị Kim X, do các bị cáo là vợ chồng và chỉ hưởng chung 50% lợi nhuận, để đảm bảo tính khả thi trong việc thi hành án, Hội đồng xét xử chỉ xử phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Quang H số tiền là 30.000.000 đồng để sung Ngân sách Nhà nước.

[8] Đối với số tiền nợ gốc, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã trả cho các bị cáo tổng là 414.750.000 đồng là tiền các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội cần truy thu và số tiền 10.082.192 đồng là tiền lãi thu được tương ứng với mức 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự, tuy không bị tính xác định trách nhiệm hình sự nhưng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên cần tịch thu đối với các bị cáo để sung ngân sách Nhà nước. Tổng cộng là 424.832.192 đồng, do các bị cáo góp tiền chung và chia đôi lợi nhuận giữa bị cáo T và vợ chồng bị cáo Nguyễn Quang H, Nguyễn Thị Kim X, do vậy cần truy thu đối với bị cáo Phạm Đại T 1/2 số tiền trên tương ứng là 212.416.096 đồng và truy thu đối với bị cáo Nguyễn Quang H và Nguyễn Thị Kim A mỗi bị cáo là 106.208.048 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

[9] Đối với khoản tiền lãi thu lợi bất chính (vượt mức 20%/năm) mà bị cáo thu của người vay là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, gồm: Bà Hoàng Thị H3 11.535.616 đồng, bà Hải thị T1 4.676.712 đồng, ông Chu Đức Q 18.356.164 đồng, bà Hoàng Thanh H4 4.561.644 đồng, bà Kiên Thị N 4.660.274 đồng, bà Nguyễn Thị C1 6.842.466 đồng, bà Nguyễn Thị Hiền L1 7.028.767 đồng, bà Nguyễn Thị L2 11.404.110 đồng, bà Nguyễn Thị M 7.001.370 đồng, bà Vũ Thanh A 2.280.822 đồng, bà Nguyễn Quỳnh A1 2.280.822 đồng, bà Nguyễn Thị O 1.780.822 đồng, bà Nguyễn Thị I 21.163.014 đồng, bà Nguyễn Thị T3 7.012.329 đồng, bà Nguyễn Thị F 11.864.384 đồng và 1.140.411 đồng khoản vay chung với bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị Y 4.687.671 đồng và 1.140.411 đồng khoản vay chung với bà Nguyễn Thị F; tổng cộng là 129.417.809 đồng. Tuy nhiên các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã tự thanh toán cho nhau xong với tổng số tiền là 130.100.000 đồng và có biên bản giao nhận kèm theo. Tổng số tiền các bị cáo đã thanh toán cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vượt quá là 682.191 đồng, tại phiên tòa các bị cáo khai số tiền trả vượt quá là do được làm tròn số khi trả, nay các bị cáo không yêu cầu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án phải hoàn lại. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên trước đó đã có đơn xin xét xử vắng mặt và không ai có ý kiến, yêu cầu gì đối với các bị cáo. Xác định các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thanh toán xong số tiền trên, nay Hội đồng xét xử không xem xét mà chỉ xác nhận.

[10] Đối với số tiền nợ gốc mà người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa trả hết cho các bị cáo tổng là 145.250.000 đồng. Đây là số tiền các bị cáo đã dùng vào việc phạm tội, là giao dịch dân sự vô hiệu nên cần buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án phải nộp lại tiền để sung vào Ngân sách nhà nước, cụ thể: Chị Hoàng Thị H3 nộp lại số tiền là 17.000.000 đồng, ông Chu Đức Q nộp lại số tiền là 22.000.000 đồng, bà Hoàng Thanh H4 nộp lại số tiền là 1.250.000 đồng, bà Nguyễn Thị C1 nộp lại số tiền là 7.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Hiền L1 nộp lại số tiền là 6.750.000 đồng, bà Nguyễn Thị L2 nộp lại số tiền là 31.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị M nộp lại số tiền là 8.750.000 đồng, bà Nguyễn Quỳnh A1 nộp lại số tiền là 4.250.000 đồng, bà Nguyễn Thị O nộp lại số tiền là 3.250.000 đồng, bà Nguyễn Thị I nộp lại số tiền là 13.500.000 đồng, bà Nguyễn Thị T3 nộp lại số tiền là 6.750.000 đồng, bà Nguyễn Thị F nộp lại số tiền là 14.000.000 đồng (trong đó có 4.750.000đ là  $\frac{1}{2}$  số tiền nợ gốc vay chung với Nguyễn Thị Y), bà Nguyễn Thị Y nộp lại số tiền là 9.750.000 đồng (trong đó có 4.750.000đ là  $\frac{1}{2}$  số tiền nợ gốc vay chung với Nguyễn Thị F).

[11] Đối với hành vi mà trước khi góp vốn với Phạm Đại T từ cuối năm 2020, Nguyễn Quang H và Nguyễn Thị Kim X đã hoạt động cho vay lãi cùng với hình thức bắt họ số tiền 10.000.000 đồng, Nguyễn Quang H chỉ thu trước số tiền 800.000 đồng tiền lãi và đưa cho người vay 9.200.000 đồng. Người vay phải trả đủ số tiền 10.000.000 đồng trong vòng 40 ngày. Việc Nguyễn Quang H cho vay với lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương 73%/năm không đủ cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, nay Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Đối với những người có tên B2, B3 (không rõ nhân thân) có đơn tố giác với nội dung có vay tiền của Nguyễn Quang H, Nguyễn Thị Kim X và Phạm Đại T. Các bị cáo khai không được cho ai có tên như trên vay tiền, sổ ghi chép của các bị cáo không thể hiện; Cơ quan điều tra không xác định được nhân thân của những người có tên Hồng, Phương nói trên, nên không có cơ sở để xác minh làm rõ, Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Đối với khoản vay của bà Đinh Thị R, do các bị cáo không tính lãi, Cơ quan điều tra không thu giữ được tài liệu về việc tính lãi đối với khoản vay này, do đó không đủ cơ sở để xử lý, Hội đồng xét xử không xem xét.

[14] Đối với bà Nguyễn Thị L2 là người giới thiệu bà Nguyễn Thị C1 vay tiền của các bị cáo, bà Nguyễn Thị L2 không biết về lãi suất của các khoản vay và cũng không được bàn bạc hay hưởng lợi từ việc bà Nguyễn Thị C1 vay tiền, do đó không có căn cứ xử lý, Hội đồng xét xử không xem xét.

[15] Đối với khoản tiền Nguyễn Thị Kim X vay của bà Lương Thị Th1 và ông Nguyễn Mạnh N3 và với người có tên là Đ3 (không xác định được nhân thân, lai lịch) thể hiện trong các sổ ghi chép đã thu giữ của Nguyễn Thị Kim X. Xác định lãi suất theo sổ sách ghi là 1000đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với 36%/năm, không đủ cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét.

[16] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 chiếc điện thoại di động Nokia 230 màu đen, máy cũ đã qua sử dụng, số serial 355776106114974 thu của bị cáo Phạm Đại T, liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Đối với 01 Chứng minh Quân nhân chuyên nghiệp số 119201647387 mang tên Hoàng Anh, xác định không liên quan đến vụ án, cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Hoàng Anh, nay Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với một số sổ, giấy tờ thu của các bị cáo, xác định là tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần lưu theo hồ sơ vụ án, cụ thể gồm: 01 quyển sổ có bìa màu xanh, bên trong có ghi các chữ và con số có kích thước 13cm x 8,5cm; 01 sổ chấm công màu trắng, bên trong có kẻ ô và ghi nhiều chữ và số, ngoài bìa có ghi chữ “Mới” bằng mực màu đỏ; 01 sổ chấm công màu trắng, bên trong có kẻ ô và ghi nhiều chữ và số, ngoài bìa có ghi chữ “Cũ” bằng mực màu xanh; 12 tờ giấy kẻ ngang có ghi ngày và tên của nhiều người; 01 tờ giấy kẻ ngang có ghi nhiều chữ và số; 01 quyển sổ bìa màu vàng, bên trong có ghi “2020”, “2021”, bên trong ghi nhiều chữ và số và 04 quyển sổ bìa màu đỏ, bên trong có ghi các chữ và con số có kích thước 13cm x 8,5cm.

[17] Về hành vi, quyết định của Điều tra viên; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Về chứng cứ tài liệu, vật chứng trong vụ án được thu thập, bảo quản đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[18] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa, có phần phù hợp và có phần chưa phù hợp, Hội đồng xét xử sẽ xem xét và quyết định.

[19] Về án phí: Các bị cáo là người bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[20] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 46 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Quang H.

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 46; Điều 47; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim X.



Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 46; Điều 47; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Đại T.

Căn cứ khoản 1 Điều 106; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 123, 131 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**1. Về tội danh:** Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quang H, Nguyễn Thị Kim X, Phạm Đại T phạm Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

## **2. Về hình phạt:**

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang H 07 (bảy) tháng tù giam, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt đi thi hành án và được trừ thời gian đã tạm giữ, đã tạm giam là 01 (một) tháng 29 (hai mươi chín) ngày (từ ngày 21/7/2021 đến 17/9/2021).

Phạt bổ sung đối với bị cáo số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Phạm Đại T 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung đối với bị cáo Phạm Đại T số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim X 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Kim X cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn và giao bị cáo Phạm Đại T cho Ủy ban nhân dân xã D, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường H và Ủy ban nhân dân xã D, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo Nguyễn Thị Kim X và Phạm Đại T cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

## **3. Về biện pháp tư pháp:**

Truy thu đối với bị cáo Phạm Đại T số tiền là 212.416.096 đồng (hai trăm mười hai triệu, bốn trăm mười sáu ngàn, không trăm chín sáu đồng) để sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận bị cáo Phạm Đại T đã nộp số tiền 15.000.000 đồng đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0000916 ngày 24/11/2021 tại Chi



cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, bị cáo Phạm Đại T còn phải nộp tiếp số tiền truy thu là 197.416.096 đồng (một trăm chín mươi bảy ngàn, bốn trăm mười ddoonu ngàn, không trăm chín sáu đồng).

Truy thu đối với bị cáo Nguyễn Quang H 106.208.048 đồng (một trăm linh sáu triệu hai trăm linh tám ngàn không trăm bốn tám đồng) để sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận bị cáo Nguyễn Quang H đã nộp số tiền 35.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0000914 ngày 24/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, bị cáo Nguyễn Quang H còn phải nộp tiếp số tiền truy thu là 71.208.048 đồng (bảy mươi một triệu, hai trăm linh tám ngàn, không trăm bốn tám đồng).

Truy thu đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim X 106.208.048 đồng (một trăm linh sáu triệu hai trăm linh tám ngàn không trăm bốn tám đồng) để sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận bị cáo Nguyễn Thị Kim X đã nộp số tiền 15.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0000915 ngày 24/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, bị cáo Nguyễn Thị Kim X còn phải nộp tiếp số tiền truy thu là 91.208.048 đồng (chín mươi một triệu, hai trăm linh tám ngàn, không trăm bốn tám đồng).

Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án phải nộp lại số tiền gốc chưa trả để sung vào Ngân sách Nhà nước, cụ thể:

Buộc chị Hoàng Thị H3 phải nộp số tiền là 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng);

Buộc ông Chu Đức Q phải nộp số tiền là 22.000.000đ (hai mươi hai triệu đồng);

Buộc bà Hoàng Thanh H4 phải nộp số tiền là 1.250.000đ (một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng);

Buộc bà Nguyễn Thị C1 phải nộp số tiền là 7.000.000đ (bảy triệu đồng);

Buộc bà Nguyễn Thị Hiền L1 phải nộp số tiền là 6.750.000đ (sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng);

Buộc bà Nguyễn Thị L2 phải nộp số tiền là 31.000.000đ (ba mươi một triệu đồng);

Buộc chị Nguyễn Thị M phải nộp số tiền là 8.750.000đ (tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng);

Buộc bà Nguyễn Quỳnh A1 phải nộp số tiền là 4.250.000đ (bốn triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng);

Buộc bà Nguyễn Thị O phải nộp số tiền 3.250.000đ (ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng);

Buộc bà Nguyễn Thị I phải nộp số tiền là 13.500.000đ (mười ba triệu năm trăm ngàn đồng);

Buộc bà Nguyễn Thị T3 phải nộp số tiền 6.750.000đ (sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng);

Buộc bà Nguyễn Thị F phải nộp số tiền là 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng);

Buộc bà Nguyễn Thị Y phải nộp số tiền 9.750.000đ (chín triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Xác nhận các bị cáo Nguyễn Quang H, Nguyễn Thị Kim X và Phạm Đại T đã trả lại tổng số 130.100.000 đồng tiền thu lời bất chính cho 16 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, gồm: Bà Hoàng Thị H3, bà Hải thị T1, ông Chu Đức Q, bà Hoàng Thanh H4, bà Kiên Thị N, bà Nguyễn Thị C1, bà Nguyễn Thị Hiền L1, bà Nguyễn Thị L2, bà Nguyễn Thị M, bà Vũ Thanh A, bà Nguyễn Quỳnh A1, bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị I, bà Nguyễn Thị T3, bà Nguyễn Thị F, bà Nguyễn Thị Y.

#### **4. Về xử lý vật chứng:**

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Nokia 230 màu đen, máy cũ đã qua sử dụng, số serial 355776106114974.

*(Vật chứng trên hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 21/10/2021).*

Lưu theo hồ sơ vụ án, gồm: 01 quyển sổ có bìa màu xanh, bên trong có ghi các chữ và con số có kích thước 13cm x 8,5cm; 01 sổ chấm công màu trắng, bên trong có kẻ ô và ghi nhiều chữ và số, ngoài bìa có ghi chữ “Mới” bằng mực màu đỏ; 01 sổ chấm công màu trắng, bên trong có kẻ ô và ghi nhiều chữ và số, ngoài bìa có ghi chữ “Cũ” bằng mực màu xanh; 12 tờ giấy kẻ ngang có ghi ngày và tên của nhiều người; 01 tờ giấy kẻ ngang có ghi nhiều chữ và số; 01 quyển sổ bìa màu vàng, bên trong có ghi “2020”, “2021”, bên trong ghi nhiều chữ và số và 04 quyển sổ bìa màu đỏ, bên trong có ghi các chữ và con số có kích thước 13cm x 8,5cm.

**5. Về án phí:** Buộc các bị cáo Nguyễn Quang H, Nguyễn Thị Kim X, Phạm Đại T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp Ngân sách Nhà nước.

**6. Về quyền kháng cáo:** Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- Bị cáo, người CQLNVLQ;
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- UBNDP Hoàng Văn Thụ, TP Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;
- UBND xã D, TP Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;
- Lưu hồ sơ, HCTP.

**Hoàng Thị Thanh**